BỘ LAO ĐỘNG TB & XÃ HỘI

TRƯỜNG CĐN BÁCH KHOA HÀ NỘI

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP ĐỂ XÉT ĐƯỢC LÀM ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (HOẶC THI TỐT NGHIỆP)

Lớp: CĐT 1 **Khóa: 6**

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1						HỌC KỲ 2							HỌC KỲ 3								HỌC KỲ 4									HỌC KỲ 5													
				Chính trị	Pháp luật	Toán cao cấp	Tin CB	Anh văn 1	Anh văn 2	Vẽ kỹ thuật &Autocad	Dung sai& kỹ thuật đo	Cơ khí đại cương&VL cơ khí	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật nhiệt	Cơ lý thuyết	Vẽ kỹ thuật 2	Nguyên lý, chi tiết máy	Sức bền vật liệu	Nguyên lý cắt, dụng cụ cắt	Máy cắt kim loại	Công nghệ chế tạo máy	Kỹ thuật an toàn &BHLĐ	Tổ chức quản lý sản xuất	Thực tập nhận thức	Điện tử công suất	Đo lường điện-điện tử	Truyền động điện	ĐK HT CĐT sử dụng PLC	Kỹ thuật điều khiển TĐ	TĐ khí nén thủy lực	Kỹ thuật số	Anh văn CN	Thực tập nghề nghiệp	Công nghệ CNC	Robot công nghiệp	Vi điều khiển	Kỹ thuật cảm biến	Kiến trúc máy tính	Kỹ thuật CAD/CAM	Hệ thống CIM	Lắp đặt vận hành hệ thống CĐT	Thực tập tốt nghiệp	Điểm Tb	Số môn nợ	Ý kiến của hiệu trưởng	Nợ HP, không được làm TN
				6	2	4	3	4	4	5	3	5	3	3	2	2	2	4	3	4	4	5	2	2	2	3	3	3	5	3	5	4	3	2	6	3	3	3	3	3	3	4	7	140			
1	CD140020	Lê Đức Anh	06.04.96	8	8	7	8.3	6	9	6.2	6.3	6.4	7	6	7	6	8	5.7	5.6	7	7.7	7	5	7	8	7.3	8	5.6	9	9	8.4	8.5	8	8	7.5	8	7.6	9	7.3	9	6.6	8.5	10	7.5		Được làm TN	
2	CD140157	Trịnh Bảo Anh	05.01.95	6	7	6	6.3	7	5	6.2	7.3	7.6	7.6	7	6	5	6	7	5.6	5	6.2	6	5	5	5	6	7.6	5	7.4	8.6	6.4	7.7	5	8	7	6	7	5.6	5.6	6.3	5.6	6.5		6.5		Không Được làm TN	x
3	CD140981	Nguyễn Phượng Ánh	17.11.96	7	8	7	7.3	6	6	6.2	7	6.4	6.3	7.6	9	7	6.5	5.5	5.6	7	6.2	7	5	9	7	6.6	8	6.3	8.4	8.3	7.4	7.5	6	8	7	7.6	7.3	6	7.3	6.3	6.3	8	10	7.1		Được làm TN	
4	CD140520	Phạm Văn Chiến	25.07.96	8	8	7	8.3	5	6	5.8	6.3	6.4	7.6	6.6	9	5	7	7.2	5.6	6.2	5.5	7.6	5	9	7	6	7.6	6	8	7.3	7.4	7.2	7	8	6.5	7.6	7	6	7	7	5.6	6.5	10	6.9		Được làm TN	
5	CD140506	Ngô Bảo Duy	17.10.95	6	7	5	6.6	6	6	5.4	5.6	7	6.3	5.3	5	6	5	7.2	5.6	5.2	5.5	7	6	6	7		5.6	5.3	7.8	7.6	8.4	5.2		8	6.5	6.3	7.3	5.6	5.6	5.6	5.3	7.5	10	6.3	HP nợ:2	Được làm TN	
6	CD140860	Nguyễn Tiến Đạt	20.10.96	8	6	5	5.6	8	6	6.2	5.6	6.4	8.3	5.6	7	5	6	5.7	5.6	5.5	6.2	7	5	6	8	6	8	6	8	7.3	7.4	7.5	8	8	7	7	8	8	7	6	6.3	7.5	10	6.9		Được làm TN	
7	CD140656	Nguyễn Trọng Đạt	08.04.96	8	8	5	5.3	6	6	8.4	7	8.6	7	7.3	10	10	8.5	7.2	6.3	8.5	7	8.2	7	8	8	7.3	7.6	5.6	9	8.6	8.6	8	7	8	9.5	7.6	8.3	8.6	6.6	8.6	6.3	8.5	10	7.8		Được làm TN	
8	CD140654	Phạm Tiến Đạt	01.04.96	6	7	5	7.6	5	6	6.2	6.3	6.4	7	6	9	6	7.5	7.2	5.6	6.2	6.2	5.8		6	5	6	6.3	6	6.6	7.3	8	7.2	8	8	7	6.3	7.3	6.6	6.3	7	5.6	7.5	10	6.6	HP nợ:1	Được làm TN	
9	CD140502	Nguyễn Bá Hiện	15.10.96	7	8	5	7.3	6	7	7.4	5.6	7.6	6.3	6	8	7	7.5	8	5.6	7	5.5	7	5	8	7	6	7.6	5.3	8	7.3	7.4	7	6	8	6.5	6.6	7.3	6	6	6.6	6.3	7.5	10	6.9		Được làm TN	
10	CD140652	Lương Lý Hùng	07.11.96	6	6	5	6	6	7	7.4	6.3	6.4	7.6	6.3	5	6	6.5	7.7	5.6	5.5	6.2	7	5	6	7	7.3	5.3		6.2	7.3	7	6.7	5	8	7.5	7	7.3	5.6	6	5.3	5.6	7.5	10	6.5	HP nợ:1	Được làm TN	
11	CD140994	Lê Hồng Huy	15.10.93	7	8	5	5.6	6	9	6.8	7	6.8	7.6	6	7	5	7.5	5.5	5.6	7.2	7.2	6.8	5	9	7	8	8.6	6	7.4	7.3	7.8	8.2	8	8	7	7.6	7.3	5.6	5.3	7	6.3	7.5	10	7.1		Được làm TN	
12	CD141064	Mai Việt Hưng	14.02.96	6	6	6		8	7	6.2	7.6	7.6	7	5.6	7	6	5	7	6.3	7	6.2	7	5	7	7	7.3	7	6	7.4	8	7	7	5	8	7.5	6.3	6.6	6.3	7.6	6.6	5.6	6.5	10	6.8	HP nợ:1	Được làm TN	
13	CD140916	Lê Ngọc Khánh	22.12.96	8	7	7	7	5	6	6.8	7.6	6.4	5.6	6	7	5	7	7	5.6	6.2	6.2	7.6	5	7	8	7.3	7.6	6	7.4	6.6	7	7.2	6	8	7.5	7	6.6	5.6	6	6	6.3	7.5	10	6.9		Không Được làm TN	x
14	CD140438	Phạm Văn Khánh	01.09.96	6	5	7	6.3	5	5	6.2	7	7.6	7.3	5.6	5	5	5.5	5.7	5.6	5.5	7	7	5	7	5	7.3	7	5.3	6.2	8	6.4	5.5	5	8	7	6.3	7.3	7	6	6	5.6	7.5	10	6.4		Được làm TN	
15	CD140165	Nguyễn Phong Linh	01.02.95	7	6	7	5	9	5	5	7.6	6.4	8	6	5	5	5	6.2	5.6	5.5	6.2	6	5	5	8	6.6	5.3	5	6.2	7.3	5.8	5	5	8	6	6	6.6	5.6	5.3	6	5.3	6	9	6.2		Không Được làm TN	x
16	CD140139	Nguyễn Xuân Lộc	08.11.90	7	8	7		8	9	8.4	7	6.8	6.3	6.3	5	7	9	5.7	5.6	7.2	8	8	7	6	8	6.6	7.6	5.3	9	9	8.4	7.7	5	8	6.5	6.6	8.3	7	6	6	7.3	9	10	7.3	HP nợ:1	Được làm TN	
17	CD140974	Phạm Đức Lộc	18.01.96	8	6	6	6.3	6	6	8.4	7.6	6.8	7.3	7	7	5	8.5	7.2	5.6	6.2	7.7	7	5	8	8	6.6	8.3	5.3	8	8	8	9.2	6	8	7.5	8	8.3	8.6	6.6	8.6	7.6	9	9	7.4		Được làm TN	
18	CD141002	Nguyễn Thành Luân	15.06.96	9	8	6	7.3	8	9	7.4	8.3	6.4	7.3	6	6	7	7	6	6.3	7.2	6.5	8	7	7	7	6	8	5.3	7.4	8	9	8.5	7	8	7.5	6	7.3	6.3	6.6	8	7.3	8	10	7.4		Được làm TN	
19	CD142130	Lê Văn Lực	25.10.92	8	7	7	9	6	7	7.4	7	8	8.3	6.3	10	10	7	5.7	5.6	6.2	6.2	6.4	5	5	7	8	6.3	6.3	9	8	8.4	6	6	8	7.5	6.3	7	6	6	7	5.6	8	9	7.1		Được làm TN	
20	CD140947	Nguyễn Tiến Lực	13.05.96	7	7	7	7.6	5	7	6.8	7.6	7	7	5.6	5	5	7	7	6.3	5.5	6.2	7.6	5	6	7	7.3	8	5.3	9	8.3	7.4	8	5	8	7.5		7	6	6	6.3	5.6	7	9	6.8	HP nợ:1	Được làm TN	
21	CD140503	Nguyễn Văn Minh	19.09.96	7	6	6	8	7	7	6.8	5.6	7	6.3	5.6	9	5	7.5	5.7	6.3	7.7	7	7	5	10	7	6	8	5.6	8.4	6.6	7.6	7.2	6	8	7	5.6	7	7.3	6	7.3	6.3	7	9	6.9		Được làm TN	
22	CD141113	Nguyễn Hải Nam	01.04.96	6	6	7	7.3	6	6	6.2	7.6	7.4	7	6.3	9	5	7	6.5	5.6	7	6.2	7	5	7	8	7.3	7	5.3	6.6	6.6	6.4	6.2	5	8	6.5	5.6	6.6	6.6	6.3	6.6	6	7	9	6.6		Được làm TN	
23	CD140346	Nguyễn Thành Nam	05.07.95	6	6	7	5.6	5	6	6.8	7	6.4	7	6	5	6	8	7	5.6	7.7	7	7	5	10	7	7.3	7.6	6.3	7.8	8	7.4	8	6	8	8	6.3	7.3	5.6	6.6	7	7.3	7.5	10	7		Được làm TN	
24	CD141073	Nguyễn Văn Nam	28.02.96	5	6	7	7	7	6	7.4	7.6	7.4	7	5.6	5	5	5	5.7	5.6		5.2	5	5	6	7	7	6	6	6.6	7.3	6.8	7	5	8	7.5	6.3	7.3	5.6	6.3	7	6.3	6.5	9	6.4	HP nợ:1	Không Được làm TN	x
25	CD141020	Trần Quang Ngọc	08.11.96	7	6	6	5.6	6	7	7.6	7	6.4	6	5.6	5	5	5.5	7	5.6	6.2	7	6.4	5	7	7	8	7.3	5.3	7.4	6.6	6.4	7.7	6	8	6	7.6	7.3	5.6	7.3	7.6	5.6	7.5	10	6.7		Được làm TN	
26	CD141000	Nguyễn Đình Phát	22.12.95	7	6	7	7	6	6	5.8	7.6	6.8	5.3	6	5	5	5	5.5	5	6	5.5	5.6	5	7	7	7.3	5.3	5.3	7	6.6	7.4	7.2	5	8	7	6	7.3	5.3	5.3	7.6	5.6	7.5	9	6.4		Được làm TN	
27	CD140360	Nguyễn Văn Quang	22.06.96	7	7	9	6.3	5	6	8.4	7.6	6.4	7.3	6.6	7	5	7	5.7	5.6	5.5	7	7.6	5	6	7	6.3	7.3	6	8.4	6.6	7	8	7	8	7.5	5.6	7	6	6.6	6.6	5.6	6.5	10	6.9		Được làm TN	
28	CD140714	Trần Hồng Quân	17.09.96	6	8	5	5	8	6	6.2	6.3	7	5.6	5.6	5	5	7.5	7.2	5.6	5.5	6.7	5.4	5	6	7	6	6.6	6	8.4	8.3	6.4	5.7	5	8	7.5	6	6.3	5.6	6	6	6.3	6.5	9	6.4		Không Được làm TN	x
29	CD140757	Nguyễn Văn Quyền	11.08.96	6	6	5	7	7	6	6.6	6.3	5.8	6.3	5.6	9	6	7.5	5.5	5.6	7	5.5	6.6	6	5	8	7.3	8	6	8.6	8.6	7.4	8.2	6	8	7	5.6	7	8	6	7	7	8	10	6.9		Được làm TN	
30	CD140427	Nguyễn Quyết	10.02.92	7	6	6	6.3	7	5	8.4	8.3	8	7.3	6.6	6	6	9	5.7	5.6	6.2	5.7	8	5	7	8	6.6	8	6	9	9	9	8	6	8	8.5	6.6	8.3	9.3	6	6.3	7.3	9	10	7.4		Được làm TN	
31	CD140553	Đặng Đình Quỳnh	08.02.92	7	7	6	5.6	5	9	8.4	8.3	8	7.6	6.3	6	8	7	5.5	5.3	6.5	6.2	6.4	5	5	8	7.3	8	6	9	9	9	8	6	8	7.5	6.6	8.3	9	6.6	6	7.3	9	10	7.3		Được làm TN	
32	CD140626	Lê Đức Sáng	09.01.96	8	9	6	6.6	7	5	8.6	7.6	6.2	7	6.3	7	5	6.5	6.2	5.6	7		6.2	5	7	8	7.3	7	6	7.8	8	7.4	8	5	8	6.5	8	7.3	6	6	6	5.6	7.5	10	6.9	HP nợ:1	Được làm TN	
33	CD140982	Đinh Hùng Sinh	25.12.96	7	6	6	6.3	6	6	8.6	7	6.8	7.6	6.3	7	5	7	7	5.6	5.5	5.5	7.6	5	9	8	8	8	6	9	8.3	7.4	7.7	6	8	8.5	7	7.6	5.6	5.3	7.3	6.3	9	10	7.1		Được làm TN	
34	CD140056	Lê Văn Tiến	21.04.95	6	7	6	8	5	6	5.8	7.6	7.6	6.3	6	10	5	5.5	7	5.6	7	5.5	6.4	5	6	8	6	6.3	6	9	8	8.4	8.2	5	8	6.5	7.6	8.3	8	5.3	6.6	7	7.5	10	6.9		Được làm TN	
35	CD140116	Nguyễn Hữu Tuân	21.02.96	6	5	6	7	8	6	5.8	5.3	6	6.3	5.3	5	6	6	5.5	5.6		6.2	6.6	5	5	7	7.3	5.6	6	7.2	6.6	6.4	5.5	5	8	7	6.3	6.6	6.6	5.3	6.6	5.6	7	10	6.3	HP nợ:1	Được làm TN	
36	CD140117	Lê Nguyên Linh Tùng	20.01.96	7	6	6	5	8	6	6.8	6.3	7.2	6.3	6	5	5	7	8	5.6	6.2	6.2	7.6	5	8	7	7.3	8	6	8	8	7.4	7.2	6	8	7	7	6.6	6	7	7	6.3	7.5		6.9		Không Được làm TN	x
37	CD141025	Nguyễn Tiến Tùng	25.07.96	8	7	6	7.6	6	6	7.4	7	7	7	7.3	7	8	8	7.2	5.6	7	5.5	7	5	8	7	6	8	6.3	9	8.6	8	6.5	7	8	8	6.3	7.3	6	7.3	5.3	7	7.5	10	7.2		Được làm TN	
38	CD141982	Phạm Thanh Tùng	21.03.96	7	7	8	6.3	8	6	8.8	6.3	7	6.3	6	10	5	7	6.2	5.6	7	6	7.6	5	5	8	7.6	8	6.3	7.4	7.3	7.4	8.2	6	8	7	6.3	7.3	8.6	5.3	6	7	7.5	10	7.1		Được làm TN	

| TT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | HỌC KỲ 1 | | |